

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 3140/2023/HN-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Chi
- Ông Cao Quốc Hưng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án thụ lý số 559/2023/TLST-HN ngày 20 tháng 3 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3973/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 4629/2023/QĐST – HNGĐ ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị L**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số A đường M, KP3, phường A, thành phố T.

Bị đơn: **Ông Lê Hoàng T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số D Đường H, Phường P, Thành phố T.

(Bà L xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Lê Hoàng T tự nguyện chung sống đăng ký

kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 036/2000 ngày 18/7/2000 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B (nay là thành phố T). Thời gian đầu bà và ông T sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó giữa bà và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Vì muốn ổn định cuộc sống nên bà L làm đơn này xin Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 (hai) con chung tên Lê Nguyễn Nhật T1 (nam), sinh ngày 04/3/1999 và Lê Nguyễn Anh T2 (nữ), sinh ngày 07/6/2002, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn – ông Lê Hoàng T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tòa theo giấy triệu tập do đó không có lời khai tại tòa. Tại phiên tòa ông cũng vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T nên xác định là quan hệ tranh chấp về việc ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà L.

Ông Lê Hoàng T là bị đơn đã được Tòa án xác minh nơi cư trú, theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường P, thành phố T cho biết hiện nay ông T hiện nay có thực tế cư trú tại địa chỉ số D Đường H, Phường P, Thành phố T. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành tổng đạt cho ông T cụ thể như sau:

- Ngày 20/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai cho ông T Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 14 giờ 00 phút ngày 05/6/2023 để làm bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

- Ngày 03/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai cho ông T Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 14 giờ 00 phút ngày 20/6/2023 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải nhưng phía ông T vắng mặt không có lý do.

- Ngày 14/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai cho ông T Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3973//2023/QĐXX ngày 10/7/2023 và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 14 giờ 00 phút ngày 31/7/2023 để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Ngày 04/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiếp tục tiến hành niêm yết công khai cho ông T Quyết định hoãn phiên tòa số 4629/2023/QĐHPT ngày 31/7/2023 và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 09 giờ 00 phút ngày 21/8/2023 để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Như vậy, ông Lê Hoàng T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hoàng T tự nguyện chung sống đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 036/2000 ngày 18/7/2000 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B (nay là thành phố T) nên xác định hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp. Bà L trình bày, trong thời gian chung sống với ông T do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau. Mặc dù lời khai này của bà L không được đối chất với ông T nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đơn ly hôn của bà L đến nay đã gần 05 tháng nhưng ông T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa, cũng không có bất cứ ý kiến nào gửi cho Tòa án về yêu cầu ly hôn của bà L. Điều này vừa chứng tỏ

ông T không tôn trọng quy định của pháp luật, không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án, vừa thể hiện ý thức không quan tâm, coi trọng hôn nhân của chính bản thân ông. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi bà L và ông T chung sống, theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T cho biết trong quá trình chung sống tại số A đường M, KP3, phường A, thành phố T, bà L và ông T có xảy ra mâu thuẫn hay không thì Ủy ban không ghi nhận và không rõ có mâu thuẫn hay không. Do ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét ý kiến phía bà L đưa ra. Từ những nhận định trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân của bà L và ông T đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, bà L đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được do đó yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Ghi nhận bà L và ông T có 02 (hai) con chung tên Lê Nguyễn Nhật T1 (nam), sinh ngày 04/3/1999 và Lê Nguyễn Anh T2 (nữ), sinh ngày 07/6/2002, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà L chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông T không phải chịu án phí.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 243, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Hoàng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 036/2000 ngày 18/7/2000 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B (nay là thành phố T) không còn giá trị pháp lý.

2. Con chung: Các con chung đã trưởng thành nên Tòa không giải quyết.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0003318 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà L đã nộp đủ án phí. Ông Lê Hoàng T không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Thủ Đức;
- THA Tp. Thủ Đức, Tp.HCM;
- UBND phường A, tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Hải Yến